

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách thành phố ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Huế

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội, ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 62/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo

Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Huế quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố bằng nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn thành phố Huế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách thành phố ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Huế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách thành phố ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2026 và thay thế Quyết định số 34/2025/QĐ-UBND ngày 04/4/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Công an thành phố; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Ngân hàng CSXH Việt Nam;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố; UBMTTQVN thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo thành phố; Công TTĐT thành phố;
- CVP, các PCVP UBND thành phố;
- Lưu: VT, DN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Mạnh

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách thành phố ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Huế
(Ban hành kèm theo Quyết định số 41/2026/QĐ-UBND)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách thành phố ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Huế (viết tắt là Chi nhánh NHCSXH thành phố) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Huế theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 11/2017/TT-BTC quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách thành phố ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH thành phố để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách.

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội thành phố để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Nguồn vốn ngân sách thành phố ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH thành phố (bao gồm nguồn vốn đã ủy thác và nguồn vốn bổ sung hằng năm) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách thành phố ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH thành phố được trích hằng năm (nếu có) để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Quy chế này.

3. Nguồn Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH thành phố theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Quy chế này.

Điều 3. Xây dựng kế hoạch nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội thành phố

1. Các Sở, ngành liên quan phối hợp với Chi nhánh NHCSXH thành phố xây dựng kế hoạch vốn ngân sách thành phố trong dự toán ngân sách hằng năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH thành phố.

2. Chi nhánh NHCSXH thành phố phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổng hợp nhu cầu vốn tín dụng chính sách trong dự toán ngân sách hằng năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm gửi Sở Tài chính.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Chi nhánh NHCSXH thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo, trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định bố trí vốn ngân sách thành phố trong dự toán ngân sách hằng năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH thành phố để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Chương II CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội thành phố

Giao Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác/Phụ lục hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH thành phố.

Điều 5. Lập, phân bổ dự toán và quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách thành phố hằng năm để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

1. Lập dự toán ngân sách, xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH thành phố.

a) Hằng năm, cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Chi nhánh NHCSXH thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp nhu cầu vay vốn tín dụng chính sách xã hội của các đối tượng, xác định nhu cầu nguồn vốn ngân sách thành phố năm sau ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH thành phố để thực hiện tín dụng chính sách xã hội, gửi Sở Tài chính.

b) Trên cơ sở đề xuất nguồn vốn ủy thác của Chi nhánh NHCSXH thành phố, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định bố trí nguồn vốn ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH thành phố cho vay theo quy định, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công.

c) Trường hợp phát sinh nhu cầu bổ sung nguồn vốn ủy thác trong năm, Chi nhánh NHCSXH thành phố phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan

tổng hợp nhu cầu vay vốn, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

2. Quy trình chuyển nguồn vốn

a) Căn cứ Hợp đồng ủy thác tại Điều 4 Quy chế này, Sở Tài chính lập thủ tục cấp kinh phí bằng hình thức lệnh chi tiền, hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Chi nhánh NHCSXH thành phố tiếp nhận nguồn vốn ủy thác.

3. Phân bổ nguồn vốn

a) Căn cứ nguồn vốn ngân sách địa phương bổ sung, Chi nhánh NHCSXH thành phố trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH thành phố phân bổ nguồn vốn ủy thác cho vay theo quy định. Trong quá trình triển khai thực hiện, căn cứ tình hình thực tế, nhu cầu của các địa phương, Chi nhánh NHCSXH thành phố trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH thành phố điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch cho vay giữa các địa phương và các chương trình cho vay.

b) Chi nhánh NHCSXH thành phố, Phòng giao dịch NHCSXH có trách nhiệm cho vay đến các đối tượng thụ hưởng theo đúng quy định.

Điều 6. Đối tượng cho vay

Theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh NHCSXH thành phố bằng nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 7. Mục đích sử dụng vốn vay

Thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH đối với từng Chương trình cho vay.

Điều 8. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay

Theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND.

Điều 9. Quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay

Thực hiện theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ngân hàng chính sách xã hội.

Điều 10. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 11. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

1. Chi nhánh NHCSXH thành phố quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách thành phố vào thu nhập của Chi nhánh NHCSXH thành phố và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của NHCSXH và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH thành phố theo dư nợ cho vay bình quân, mức trích 0,32%/tháng. Trường hợp mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH trong từng thời kỳ cao hơn mức 0,32%/tháng thì thực hiện theo mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách thành phố cấp bù phần còn thiếu cho Chi nhánh NHCSXH thành phố.

c) Trích 15% số tiền lãi thu được để chi cho các Sở, ngành, Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH thành phố và Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH xã/phường thực hiện công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng và phân bổ như sau:

- Trích 2,5% cho các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Nội vụ; Xây dựng; Giáo dục và Đào tạo và Công an thành phố, cụ thể:

Sở Nông nghiệp và Môi trường: 2,5% số tiền lãi thu được đối với chương trình cho vay hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, nước sạch và vệ sinh môi trường.

Sở Nội vụ: 2,5% số tiền lãi thu được đối với chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm; cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; cho vay phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Sở Xây dựng: 2,5% số tiền lãi thu được đối với chương trình cho vay mua, thuê mua nhà ở xã hội, xây mới, cải tạo hoặc sửa chữa nhà để ở.

Sở Giáo dục và Đào tạo: 2,5% số tiền lãi thu được đối với chương trình cho vay học sinh, sinh viên, học viên thạc sỹ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán.

Công an thành phố: 2,5% số tiền lãi thu được đối với chương trình cho vay đối với người chấp hành xong án phạt tù.

- Sở Tài chính: 2,5% số tiền lãi thu được đối với tất cả các chương trình cho vay.

- Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH thành phố: 7,5% số tiền lãi thu được đối với tất cả các chương trình cho vay.

- Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH xã, phường: 2,5% số tiền lãi thu được đối với tất cả các chương trình cho vay (Việc phân bổ kinh phí cho từng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH xã, phường được xác định theo tỷ lệ số tiền lãi thực thu của từng đơn vị so với tổng số tiền lãi thực thu).

d) Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay tại Chi nhánh NHCSXH thành phố. Định kỳ căn cứ số tiền lãi được bổ sung vào nguồn

vốn để cho vay, Chi nhánh NHCSXH thành phố báo cáo và tham mưu Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH thành phố quyết định để phân giao bổ sung vào nguồn vốn cho vay theo đúng quy định.

2. Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại điểm c, khoản 1 Điều này do Chủ tịch UBND thành phố quy định theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập và một số nội dung, mức chi đặc thù phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Điều 12. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Nguyên tắc xử lý nợ bị rủi ro

a) Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

b) Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH, Chi nhánh NHCSXH thành phố lập hồ sơ đề xuất xử lý nợ bị rủi ro đối với từng trường hợp cụ thể; tổng hợp, đề nghị Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro theo các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được Chi nhánh NHCSXH thành phố trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách thành phố ủy thác.

4. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo số tiền thực tế của các khoản vay được xử lý xóa nợ, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Chi nhánh NHCSXH thành phố báo cáo UBND thành phố bổ sung ngân sách thành phố để xử lý, hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách thành phố chuyển qua Chi nhánh NHCSXH thành phố.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa theo quy định, phần chênh lệch được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay.

Điều 13. Chế độ báo cáo

Định kỳ 6 tháng (trước ngày 15 tháng 7), hằng năm (trước ngày 15 tháng 01 năm sau) hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH thành phố báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Tài chính để tổng hợp, kiến nghị, giám sát.

Điều 14. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính:

a) Ký hợp đồng ủy thác/Phụ lục hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH thành phố.

b) Tham mưu UBND thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định bố trí nguồn vốn ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH thành phố cho vay theo quy định, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công.

c) Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 11 Quy chế này.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Chi nhánh NHCSXH thành phố.

đ) Chủ trì, phối hợp với Chi nhánh NHCSXH thành phố và các cơ quan liên quan tham mưu Chủ tịch UBND thành phố quyết định nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 11 Quy chế này.

2. Các cơ quan, đơn vị quản lý chương trình vay.

a) Phối hợp với Chi nhánh NHCSXH thành phố chỉ đạo triển khai các chương trình, chính sách tín dụng từ nguồn ngân sách thành phố; phối hợp xử lý, thu hồi nợ đối với các đối tượng vay vốn thuộc phạm vi quản lý (nếu có).

b) Kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện các chương trình cho vay theo lĩnh vực được phân công quản lý.

c) Phối hợp thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro đối với nguồn vốn ủy thác ngân sách thành phố.

3. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với Chi nhánh NHCSXH thành phố.

4. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ủy thác theo đúng quy định của pháp luật và quy định tại Quy chế này.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

c) Lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro, gửi Sở Tài chính chủ trì thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Định kỳ hằng quý/6 tháng/năm thực hiện phân phối tiền lãi theo quy định tại Quy chế này.

đ) Định kỳ hàng năm (trước ngày 28/02 của năm sau), báo cáo kết quả phân phối lãi cho vay thu được của năm trước theo Điều 11 Quy chế này gửi UBND thành phố, Sở Tài chính.

e) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

g) Định kỳ 6 tháng, hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài chính; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện cho vay các chương trình cho vay.

5. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo quy định tại Quy chế này.

b) Phối hợp với Chi nhánh NHCSXH thành phố, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c) Phối hợp với Chi nhánh NHCSXH thành phố xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn; hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đơn đốc thu hồi nợ khó đòi.

6. Trách nhiệm của bên vay vốn

a) Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích.

c) Hoàn trả gốc, lãi đúng quy định.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính, Chi nhánh NHCSXH thành phố để nghiên cứu báo cáo UBND thành phố Huế xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.